TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 26 - 01 -2018

V/v tranh chấp Hợp đồng đặt cọc và Hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lâm Hải Trung
2. Ông Nguyễn Văn Trước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Hồ Quế Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ***:** Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2015/ TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2015 về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và Hợp đồng vay tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/ 2017/ QĐXX-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2017 các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số A, đường 4, phường Hưng L, quận K, thành phố Cần Thơ.

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1968 (Vắng)

Địa chỉ tạm trú: ấp Phước L, xã Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

HKTT: Số 1 đường Bà L, phường M, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1965 (vắng)

Địa chỉ: số 1 đường Văn T, phường M, quận T, TP Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/12/2014 của nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ngày 27/ 01/ 2014, anh có hợp đồng mua bán sắt U với anh Nguyễn Văn S với số tiền 7.500đ/kg, đưa tiền cọc cho anh S là 30.000.000đ. Anh S có hứa khoảng 01 tháng sau bán sắt xong sẽ trừ tiền.

Cùng ngày hôm đó anh S có mượn thêm 20.000.000đ có làm biên nhận rõ ràng. Tiếp theo đến ngày 06/02/2014, anh S mượn thêm 10.000.000đ nữa và kêu anh chuyển tiền vào tài khoản tại Ngân hàng Sacombank. Tổng cộng anh V đã đưa cho anh S mượn 60.000.000đ nhưng anh S không giao sắt cho anh. Biên nhận gốc anh S viết cho anh V ngày 27/01/2014 hiện nay không có giữ.

Anh V thừa nhận có nhận của anh Bào 80.000.000đ, không phải tiền của anh S nhưng không có hẹn 15 ngày giao hàng cũng như bồi thường như phía anh S đã trình bày.

Anh V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S trả cho tôi số tiền 60.000.0000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày như sau:

Ngày 18/4/2014, anh S có đến gặp anh V mua sắt, anh và anh Nguyễn Văn B có đưa trực tiếp cho anh V số tiền 80.000.000đ. Anh V có làm giấy tay trong thời gian 15 ngày sẽ giao toàn bộ số sắt Y và sắt cừ máng cho anh Bào. Vì thời gian đến nay đã quá 90 ngày nên anh Bào không đồng ý mua số sắt này nữa. Anh Bào buộc anh S và anh V phải bồi thường chi phí thiệt hại do thời gian kéo dài và anh S đã bồi thường cho anh Bào số tiền 110.000.000đ rồi.

Anh S đồng ý trả cho anh V số tiền 60.000.000đ nhưng khi nào anh V trả lại cho anh và anh Bào 80.000.000đ mà anh đã đưa trước vào ngày 18/4/2014 và thống nhất để Tòa án Long Hồ giải quyết vụ án này. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Theo tờ tự khai ngày 08/11/2017 anh Nguyễn Văn B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau: Anh Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn S có qua nhà anh Nguyễn Quốc V đưa cho anh V số tiền 80.000.000đ mua sắt phế liệu. Sau thời gian 03 tháng anh S rút sắt không được và anh kêu anh S hoàn trả lại số tiền 80.000.000đ. Anh S đã hoàn trả lại cho anh đủ số tiền. Nay anh ủy quyền lại toàn bộ cho anh Nguyễn Văn S được toàn quyền nhận lại số tiền 80.000.000đ từ anh V và anh sẽ không còn khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh V vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình. Không đồng ý giải quyết số 80.000.000đ nhận của anh Nguyễn Văn B trong cùng vụ án này.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 của BLTTDS. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa qui định tại Điều 227 BLTTDS.

Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000đ là có cơ sở. Vì bị đơn thừa nhận còn thiếu tiền nguyên đơn, còn việc anh S cho rằng anh V còn nợ anh Bào số tiền 80.000.000đ. Tòa án có ra thông báo cho ông S làm đơn phản tố nhưng anh S không giao nộp nên không xét đối với số tiền 80.000.000đ này. Anh V cho rằng đây là một hợp đồng mua bán sắt khác với anh Bào nên không có liên quan gì trong vụ kiện này.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Căn cứ Điều 358 , 471 và 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 3, Điều 27của Pháp lệnh án phí, lệ phí của Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 60.000.000đ. Về án phí: buộc bị đơn nộp toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định khoản 2 tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong số tiền 60.000.000đ mà anh V đưa anh S gồm: 30.000.000đ tiền đặt cọc mua sắt và 30.000.000đ tiền anh S hỏi mượn anh V. Theo thông báo thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng mua bán nhưng nay xác định lại đây là quan hệ hợp đồng đặt cọc và hợp đồng vay tiền theo Điều 358 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đây các giao dịch thực hiện xong ngày 01/01/2017 nên theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của bộ luật dân sự năm 2015 " Giao dịch dân sự thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật sân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết" nên áp dụng các Điều luật 33/2005/QH11 giải quyết là phù hợp.

[2] Về nội dung: Ngày 27/01/2014 anh V và anh S thỏa thuận: anh S bán sắt chữ U cho anh V và trong ngày 27/01/2014 anh V có đặt cọc cho anh S 30.000.000đ. Cũng trong ngày 27/01/2014 anh S hỏi mượn anh V 20.000.000đ và ngày 06/02/2014, nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 10.000.000đ. Do anh S không giao sắt cho anh V theo như thỏa thuận và trả tiền mượn nên anh V khởi kiện anh S.

Xét nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền 60.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì anh S đã thừa nhận còn nợ anh V số tiền trên và phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra gồm: Biên bản hòa giải tại ban nhân dân ấp Phước Hòa ngày

25/11/2014, Biên nhận nhận cọc ngày 27/01/2014, Biên nhận mượn tiền ngày 27/01/2014 và Phiếu chuyển tiền tại Ngân hàng Sacombank (từ bút lục 6 đến bút lục số 9). Do anh S không thực hiện giao sắt cho anh V nên bị đơn còn nợ nguyên đơn 30.000.000đ tiền đặt cọc, số tiền 30.000.000đ anh S thừa nhận có mượn tại Biên bản hòa giải tại ban nhân dân ấp Phước Hòa ngày 25/11/2014 hẹn đến thứ 2 trả nhưng không trả cho đến nay và tại biên bản hòa giải tại Tòa ngày 15/01/2015. Tuy nhiên bị đơn cho rằng khi nào nguyên đơn trả số tiền 80.000.000đ cho anh Bào thì mới trả 60.000.000đ cho nguyên đơn là không có cơ sở vì số tiền anh V nhận của anh Bào là một giao dịch khác. Anh V thừa nhận có nhận của anh Bào số tiền 80.000.000đ không phải nhận tiền của anh S, anh V không đồng ý khấu trừ vì đây là tiền của anh Bào để giải quyết sau. Tại bản tự khai ngày 08/11/2017 anh Bào xác nhận số tiền 80.000.000đ anh S đã trả xong cho anh Bào và anh đồng ý giao lại anh S đòi anh V. Tuy nhiên, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh S làm đơn phản tố (bút lục 93) nhưng anh S không làm cũng không có văn bản gửi Tòa án lý do không làm đơn phản tố. Do đó tại phiên tòa hôm nay Tòa án không xem xét số tiền 80.000.000đ này.

Căn cứ khoản 2 Điều 358 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền là 60.000.000đ.

Trước và tại phiên tòa anh V không yêu cầu phạt cọc cũng như tính lãi với số tiền đã đưa cho anh S nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3]*Về án phí*: Theo khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 60.000.000đ x 5% = 3.000.000đ. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 93, 144, 147, 150, 227 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự ;
- Các Điều 358, 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 ;
- Các Điều 3, 24 và 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc V.

2. Buộc anh Nguyễn Văn S trả anh Nguyễn Quốc V số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc bị đơn nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Hoàn trả lại cho nguyên đơn 1.500.000đ(Một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 027095 ngày 30/12/2014 mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án nếu người bị thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật đn sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh .
-VKSND huyện.
-THADS huyện.
-Lưu.
-Các đs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Huỳnh Tấn Phong